

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021, giữa:

* **Nguyên đơn**: Anh **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp H1, xã H, huyện C, tỉnh T.

* **Bi đơn**: Chị **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp H1, xã H, huyện C, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Phạm Văn Đ** và chị **Nguyễn Thị Cẩm T**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Anh **Phạm Văn Đ** và chị **Nguyễn Thị Cẩm T** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là cháu **Phạm Nhựt Tr**, sinh ngày: 18/5/2011 và cháu **Phạm Thị Ngọc D**, sinh ngày 03/10/2018. Nay anh chị thỏa thuận như sau: Giao cháu **Phạm Nhựt Tr**, sinh ngày: 18/5/2011 cho chị **T** nuôi dưỡng; cháu **Phạm Thị Ngọc D**, sinh ngày 03/10/2018 cho anh **Đ** nuôi dưỡng,

hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Phạm Văn Đ, chị Nguyễn Thị Cẩm T được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Anh Phạm Văn Đ tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm, anh đã tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004681, ngày 29/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T nên được miễn trừ anh Đ được hoàn lại 150.000 đồng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU